

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 14/2018/DS-ST

Ngày 26-7-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Bà Võ Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Hồng P, sinh năm: 1980; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu phố G-A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: - Anh Võ Văn C, sinh năm: 1985; *(Có mặt)*

- Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1987; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Thị Hồng P trình bày:

Ngày 16/11/2016 (nhằm ngày 17/10/2016 âm lịch) chị Nguyễn Thị K vay chị số tiền 150.000.000 đồng, ngày 20/11/2016 (nhằm ngày 21/10/2016 âm lịch) chị K vay số tiền 40.000.000 đồng, ngày 22/11/2016 (nhằm ngày 23/10/2016 âm lịch) chị K vay số tiền 45.000.000 đồng, ngày 28/11/2016 (nhằm ngày 29/10/2016 âm lịch) chị K vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 15/5/2017 (nhằm ngày 20/4/2017 âm lịch) anh C vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng chị Nguyễn Thị K và anh Võ

Văn C vay của chị P số tiền 295.000.000 đồng. Khi vay đều có viết biên nhận, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

Chị K vay bốn lần trong tháng 11/2016 với số tiền 285.000.000 đồng có đóng 03 tháng tiền lãi đến ngày 25/02/2017 (nhằm ngày 29/01/2017 âm lịch) là 25.650.000 đồng (285.000.000 đồng x 3%/tháng x 3 tháng), ngày 26/5/2017 âm lịch có trả thêm tiền lãi 7.000.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi chị K trả 32.650.000 đồng. Còn số nợ 10.000.000 đồng anh C vay chưa trả lãi.

Tại phiên tòa, chị Võ Thị Hồng P yêu cầu vợ chồng anh Võ Văn C và chị Nguyễn Thị K phải liên đới trả chị P số tiền 295.000.000 đồng nợ gốc và yêu cầu được tiếp tục tính lãi suất 3% tháng với số tiền lãi là 162.675.000 đồng (số tiền 285.000.000 đồng từ ngày 25/02/2017 đến ngày nay là 158.185.000 đồng, số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 15/5/2017 đến nay là 4.500.000 đồng), đồng thời không đồng ý khấu trừ phần tiền lãi chị K đã đóng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị thống nhất vợ chồng có nợ chị P tổng số tiền 295.000.000 đồng như chị P trình bày. Chị đã trả cho chị P tiền lãi của số tiền nợ 285.000.000 đồng là 32.650.000 đồng, số nợ 10.000.000 đồng chưa trả tiền lãi. Chị đồng ý vợ chồng cùng liên đới trả cho chị P là 295.000.000 đồng, chị yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ khi vay đến nay và khấu trừ số tiền lãi 32.650.000 đồng chị đã đóng, nếu thiếu chị sẽ trả thêm, nếu dư thì trừ qua nợ gốc.

Bị đơn anh Võ Văn C trình bày:

Anh thống nhất vợ chồng nợ chị P 295.000.000 đồng và thống nhất số tiền lãi 32.650.000 đồng mà chị P đã nhận từ vợ anh. Nay anh đồng ý vợ chồng sẽ liên đới trả nợ theo như chị P yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đối với số tiền nợ gốc tiền 295.000.000 đồng các bên đương sự đã thống nhất, phù hợp với chứng cứ chị P cung cấp và chị K, anh C cũng đồng ý trả cho chị P nên yêu cầu của chị P được xem xét chấp nhận.

Về lãi suất, các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, chị K đã đóng được cho chị P 32.650.000 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật cần nên điều chỉnh theo quy định tại điều 476 của bộ luật dân sự 2005. Chị P yêu cầu được tiếp tục tính lãi suất 3% tháng và không đồng ý khấu trừ phần lãi suất chị K đã đóng là không có căn cứ. Chị K đề nghị yêu cầu được tính lãi suất từ ngày vay đến nay theo quy định pháp luật và khấu trừ số tiền lãi 32.650.000 đồng chị đã đóng là có căn cứ xem xét.

Anh C đồng ý liên đới với chị K trả số tiền trên cho chị P là phù hợp Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Căn cứ Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị P.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Chứng cứ bà P cung cấp gồm 01 giấy biên nhận không ghi ngày tháng năm có nội dung chị K hỏi chị P ngày 21/10/2016 âm lịch số tiền 40.000.000đồng, ngày 17/10/2016 âm lịch số tiền 150.000.000 đồng, ngày 29/10/2016 âm lịch số tiền 50.000.000đồng, có ký và ghi tên Nguyễn Thị K; 01 giấy biên nhận ngày 23/10/2016 âm lịch số tiền 45.000.000đồng có ký và ghi tên Nguyễn Thị K, 01 giấy biên nhận ngày 24/4/2017 âm lịch số tiền 10.000.000đồng có ký và ghi tên Võ Văn C. Chị P với vợ chồng anh C và chị K đã thống nhất số tiền vay 295.000.000 đồng và tiền lãi đã trả 32.650.000 đồng.

[2] Chị Võ Thị Hồng P với vợ chồng anh Võ Văn C và chị Nguyễn Thị K đã thống nhất số tiền nợ vay 295.000.000 đồng, phù hợp với chứng cứ chị P cung cấp nêu trên. Chị P yêu cầu anh C và chị K phải liên đới trả cho chị P số tiền 295.000.000 đồng nợ vay. Anh C và chị K cũng đồng ý trả theo như chị P yêu cầu là phù hợp với Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

[3] Chị P yêu cầu được tiếp tục tính lãi suất 3% tháng với số tiền lãi là 162.675.000 đồng (số tiền 285.000.000 đồng từ ngày 25/02/2017 đến ngày xét xử là 158.175.000 đồng và số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 15/5/2017 đến ngày xét xử là 4.500.000 đồng) và không đồng ý khấu trừ phần lãi suất chị K đã đóng.

Xét thấy, chị P với vợ chồng anh C và chị K thỏa thuận lãi suất 3%/tháng là không phù hợp, nên điều chỉnh theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi được bao nhiêu sẽ trừ vào số tiền lãi 32.650.000 đồng chị P đã nhận thì chị K và anh C tiếp tục trả số tiền lãi còn lại là phù hợp.

Đối với số tiền 285.000.000 đồng, chị K vay bốn lần trong tháng 11/2016 nên tính theo mức lãi quá hạn 1.125%/tháng (lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước 0,75%/ tháng), từ ngày vay đến ngày xét xử (ngày 26/7/2018) theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005, cụ thể:

Số tiền 150.000.000 đồng x 1,125% x 20 tháng 10 ngày (ngày 16/11/2016 – 26/7/2018) = 34.312.500 đồng.

Số tiền 40.000.000 đồng x 1,125% x 20 tháng 06 ngày (ngày 20/11/2016 – 26/7/2018) = 9.090.000 đồng.

Số tiền 45.000.000 đồng x 1,125% x 20 tháng 04 ngày (ngày 22/11/2016 – 26/7/2018) = 10.192.500đồng.

Số tiền 50.000.000 đồng x 1,125% x 19 tháng 28 ngày (ngày 28/11/2016 – 26/7/2018) = 11.212.500đồng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng, anh C vay ngày 20/4/2017 âm lịch tức là ngày 15/5/2017 dương lịch, chưa trả tiền lãi nên tính theo mức lãi 0,833%/tháng (lãi

suất 10% năm), từ ngày vay đến ngày xét xử (ngày 26/7/2018) theo qui định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể:

Số tiền 10.000.000 đồng x 0,833% x 14 tháng 11 ngày (ngày 15/5/2017 – 26/7/2018)= 1.196.500 đồng

Tổng cộng tiền lãi anh C và chị K phải trả 66.004.000 đồng, số tiền này sẽ trừ vào số tiền lãi 32.650.000 đồng chị P đã nhận thì chị K và anh C phải tiếp tục trả cho chị P số tiền lãi 33.354.000 đồng.

Do đó, yêu cầu của chị P về lãi suất chỉ được chấp nhận một phần, vợ chồng anh C và chị K phải tiếp tục trả cho chị P số tiền lãi 33.354.000 đồng.

[3] Chị K yêu cầu được tính lãi suất từ ngày vay đến nay theo quy định pháp luật và khấu trừ số tiền lãi 32.650.000 đồng chị đã đóng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Chị K và anh C phải liên đới chịu 16.417.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị P phải chịu 4.833.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm {5% đối với số tiền lãi 96.671.000 đồng (162.675.000 đồng - 66.004.000đồng) không được chấp nhận}. Khấu trừ 8.445.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004214 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả cho chị P 3.611.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 288, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 17, 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận theo yêu cầu của chị Võ Thị Hồng P đối với số tiền vay.

Buộc chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị Hồng P số tiền 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần theo yêu cầu của chị Võ Thị Hồng P đối với tiền lãi.

Buộc chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị Hồng P số tiền lãi 33.354.000 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C phải liên đới chịu 16.417.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Võ Thị Hồng P phải chịu 4.833.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 8.445.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004214 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả cho chị P 3.611.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; - VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS; - Các Đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Huỳnh Thị Cẩm Nhung